

Tăng tỷ trọng

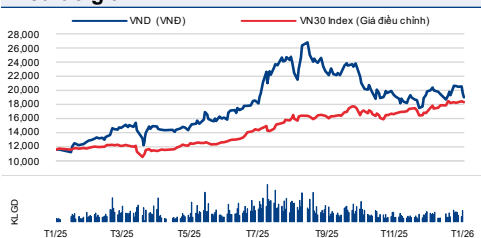
Giá mục tiêu: VND23,000

Tiềm năng tăng/giảm: 21.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (21/1/2026)	19,000
Mã Bloomberg	VND VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	11,245-26,800
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	19,717
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	28,918
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,101
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,522
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,522
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,343
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	100%
Tỷ lệ sở hữu của NN	12.0%
Tỷ lệ freefloat	70.0%
Cổ đông lớn	I.P.A Invest Group (25.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (tỷ đồng)	44,295	50,801	55,729
Cho vay ký quỹ (tỷ đồng)	10,344	14,481	19,549
Doanh thu HĐ (tỷ đồng)	5,325	6,837	8,008
Lợi nhuận thuần (tỷ đồng)	1,720	2,240	2,385
BVPS (đồng)	12,744	13,657	13,530
EPS (đồng)	1,150	1,410	1,205
DPS (đồng)	500	500	800
T.trưởng tổng tài sản (%)	6.12	14.7	9.70
T.trưởng c.vay KQ (%)	0.65	40.0	35.0
T.trưởng DT HĐ (%)	(18.8)	28.4	17.1
Tăng trưởng EPS (%)	(30.6)	22.6	(14.5)
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	60.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	43.5	35.5	66.4
ROAE (%)	9.50	10.6	9.66
ROAA (%)	4.00	4.71	4.48
Tỷ lệ CIR (%)	48.4	44.9	48.6
Lãi suất cho vay BQ (%)	0.12	0.11	0.11
Vòng quay tổng TS (%)	12.4	14.4	15.0
Đòn bẩy vốn (%)	225	225	208
Thị phần môi giới CP (%)	6.10	5.80	6.50
P/E (lần)	16.5	13.5	15.8
P/B (lần)	1.49	1.39	1.40
Lợi suất cổ tức (%)	2.63	2.63	4.21

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VND là một công ty chứng khoán tăng trưởng nhanh, được tiếp lực bởi phát triển công nghệ và mạng khách hàng bán lẻ, công ty có thị phần khoảng 7%.

Chuyên viên phân tích

Lê Khánh Tùng

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

LNTT Q4 tăng 37% so với cùng kỳ nhưng giảm 68% so với quý trước, thấp hơn kỳ vọng

- VND đã công bố LNTT đạt 377 tỷ VND (tăng 37% so với mức nền thấp Q4/2024) với doanh thu thuần tăng 52% so với cùng kỳ; tuy nhiên, LNTT giảm 68% so với Q3/2025 do lợi nhuận nghiệp vụ môi giới và đầu tư sụt giảm. LNTT cả năm 2025 đạt 2.508 tỷ đồng (tăng trưởng 20%) nhưng chỉ hoàn thành 92% dự báo cả năm 2025 của chúng tôi.
- Dư nợ cho vay ký quỹ giảm 4% so với quý trước (vẫn tăng 38% so với cùng kỳ) xuống 14,3 nghìn tỷ đồng trong Q4/2025; tỷ lệ dư nợ cho vay ký quỹ/vốn CSH giảm xuống 68%, mức khiêm tốn so với ngành. Thị phần mảng môi giới giảm xuống 4,6%.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 4% trong 1 tháng qua, VND đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 16,6 lần, thấp hơn một chút so với bình quân ngành ở mức 17,5 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2025 vào ngày 21/1/2026

VND đã công bố KQKD Q4/2025 khiêm tốn với LNTT đạt 377 tỷ VND (tăng 37% so với mức nền thấp cùng kỳ), trong đó doanh thu tăng 52% so với cùng kỳ nhưng bị bù trừ một phần do chi phí tài chính tăng mạnh 82% so với cùng kỳ.

Lợi nhuận Q4/2025 thấp nhất trong năm 2025, giảm 68% so với mức nền cao trong Q3/2025 và thấp hơn 37% so với dự báo thận trọng của chúng tôi (597 tỷ đồng), chủ yếu do lợi nhuận nghiệp vụ môi giới giảm mạnh 58% và thu nhập đầu tư giảm 60% trong khi chi phí tài chính tăng cao và lãi từ cho vay ký quỹ chỉ tăng 5% so với quý trước.

Tính chung cả năm 2025, LNTT đạt 2.508 tỷ đồng (tăng trưởng 20%), hoàn thành 92% dự báo cả năm 2025 của chúng tôi.

Mảng cho vay ký quỹ: Tăng trưởng vẫn khiêm tốn so với ngành

Lãi từ cho vay ký quỹ tăng 24% so với cùng kỳ đạt 407 tỷ đồng nhờ dư nợ cho vay ký quỹ tăng 38% so với cùng kỳ lên 14,3 nghìn tỷ đồng, mặc dù giảm 4% so với quý trước. Dư nợ cho vay ký quỹ của VND tiếp tục tăng trưởng chậm hơn so với toàn ngành (tăng mạnh 64% so với cùng kỳ và tăng 6% so với quý trước lên 406 nghìn tỷ đồng). Chúng tôi cho rằng điều này là do nguồn vốn của VND vẫn ứ đọng một phần ở các đầu tư trái phiếu tồn đọng, trong khi các công ty trong ngành đã mở rộng dư nợ cho vay ký quỹ mạnh mẽ hơn sau các đợt bơm vốn gần đây. Một số chỉ số chính như sau:

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 23/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q4/2025, VND

LNTT năm 2025 của VND chỉ hoàn thành 92% dự báo cả năm – thấp hơn so với kỳ vọng của chúng tôi

Tỷ đồng	Q4/24	Q4/25	So với cùng kỳ	2024	2025	Tăng trưởng	% 2025 HSCF
Tổng thu nhập HĐ	582	885	52%	3,204	4,088	28%	98%
Môi giới	23	67	191%	252	344	37%	90%
Cho vay ký quỹ	327	407	24%	1,255	1,394	11%	101%
Thu nhập đầu tư	318	417	31%	1,863	2,236	20%	98%
Khác	(87)	(6)		(166)	115	-169%	76%
Lỗ tài chính	(183)	(333)	82%	(659)	(1,106)	68%	107%
Chi phí HĐ	(124)	(175)	41%	(453)	(473)	4%	113%
Thu nhập khác	0	0		0	0		
LNTT	275	377	37%	2,088	2,508	20%	92%
Lợi nhuận thuần	251	342	36%	1,752	2,139	22%	96%

Nguồn: VND, HSC

- Tỷ lệ dư nợ cho vay ký quỹ/vốn CSH: 68% trong Q4/2025 (so với 74% trong Q3/2025), thấp hơn nhiều so với bình quân ngành ở mức khoảng 116%.
- Lãi suất/tỷ lệ NIM: nhìn chung ổn định so với quý trước; Lãi suất cho vay ký quỹ bình quân: 11,4% (tăng 20 điểm cơ bản so với quý trước nhưng giảm 50 điểm cơ bản so với cùng kỳ); Chi phí huy động: 4,1% (tăng 20 điểm cơ bản so với quý trước và tăng 90 điểm cơ bản so với cùng kỳ); Tỷ lệ NIM: 7,3% (đi ngang so với quý trước nhưng giảm 140 điểm cơ bản so với cùng kỳ).

Thu nhập không thường xuyên hỗ trợ thu nhập đầu tư

Thu nhập đầu tư tăng 31% so với cùng kỳ (nhưng giảm 60% so với quý trước) đạt 417 tỷ đồng, chủ yếu nhờ khoản hoàn nhập dự phòng không thường xuyên 133 tỷ đồng.

Cơ cấu thu nhập

- Thu nhập từ danh mục FVTPL: 148 tỷ đồng (giảm 46% so với cùng kỳ và giảm 84% so với quý trước), trong đó: Lỗ chưa thực hiện 240 tỷ đồng (so với lỗ 40 tỷ đồng trong Q4/2024; lãi 182 tỷ đồng trong Q3/2025); Lãi đã thực hiện: 320 tỷ đồng (tăng 51% so với cùng kỳ nhưng giảm 50% so với quý trước)
- Thu nhập từ danh mục HTM: 148 tỷ đồng (tăng 131% so với cùng kỳ nhưng giảm 14% so với quý trước), chủ yếu từ chứng chỉ tiền gửi & trái phiếu.
- Hoàn nhập dự phòng (không thường xuyên): 133 tỷ đồng (so với trích lập trong Q3/2025 và Q4/2024).

Điều chỉnh: Nếu không bao gồm khoản hoàn nhập, thu nhập đầu tư Q4/2025 đạt 284 tỷ đồng, giảm 11% so với cùng kỳ. Thu nhập đầu tư cả năm 2025 đạt tổng cộng 2.103 tỷ đồng, hoàn thành 92% dự báo cả năm của chúng tôi.

Cơ cấu danh mục đầu tư & tài sản tồn đọng: Ít sự cải thiện

Giá trị danh mục FVTPL của VND tăng lên 35,1 nghìn tỷ đồng (tăng 20% so với cùng kỳ và tăng 18% so với quý trước). Cơ cấu nhìn chung không thay đổi, trong đó các khoản tồn đọng vẫn đáng chú ý. Cơ cấu cụ thể như sau:

- Tiền gửi tiết kiệm & chứng chỉ tiền gửi: 5,8 nghìn tỷ đồng, giảm 27% so với quý trước.
- Trái phiếu: 14,5 nghìn tỷ đồng, đi ngang so với quý trước (14,4 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối Q3/2025), trong đó trái phiếu liên quan đến Tập đoàn Trung Nam vẫn chiếm tỷ trọng đáng kể. Lãi dự thu, chủ yếu liên quan đến trái phiếu Trung Nam, giảm xuống 1.087 tỷ đồng từ 1.317 tỷ đồng tại thời điểm cuối Q3/2025.
- Cổ phiếu: 2,1 nghìn tỷ đồng, đi ngang so với quý trước. Trong đó, cổ phiếu của công ty năng lượng tái tạo Trung Nam (TNRE) tăng lên 507 tỷ đồng từ 295 tỷ đồng tại thời điểm cuối Q3/2025. Theo đó, tổng vốn đầu tư vào Trung Nam nhìn chung không thay đổi.

Danh mục HTM đạt 8,5 nghìn tỷ đồng, giảm 19% so với quý trước, bao gồm các khoản tiền gửi trung hạn.

Các khoản phải thu quá hạn từ CTCP Xây dựng Trung Nam tăng nhẹ lên 1.834 tỷ đồng từ 1.695 tỷ đồng tại thời điểm cuối Q3/2025. VND không trích lập dự phòng trong Q4/2025, cho thấy gánh nặng dự phòng tiềm ẩn trong thời gian tới.

Mảng nghiệp vụ môi giới: Giảm so với quý trước; thị phần thu hẹp

Doanh thu nghiệp vụ môi giới tăng 63% so với cùng kỳ nhưng giảm 40% so với quý trước đạt 231 tỷ đồng, nhờ thanh khoản tăng 74% so với cùng kỳ nhưng giảm 35% so với quý trước đạt 31,4 nghìn tỷ đồng/ngày. Chi phí nghiệp vụ môi giới tăng 38% so với cùng kỳ nhưng giảm 28% so với quý trước, tương

đương lợi nhuận nghiệp vụ môi giới tăng so với cùng kỳ nhưng giảm mạnh so với quý trước. Cụ thể như sau:

- Lợi nhuận nghiệp vụ môi giới: 67 tỷ đồng (tăng 168% so với cùng kỳ nhưng giảm 58% so với quý trước)
- Thị phần giảm xuống 4,6% từ 5,4% trong Q3/2025 trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt
- Tỷ lệ phí giữ lại: 29% (so với 41% trong Q3/2025 và 17% trong Q4/2024)
- Lợi nhuận nghiệp vụ môi giới cả năm 2025: 344 tỷ đồng (tăng trưởng 37%), hoàn thành 90% dự báo cả năm.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo

Nhìn chung, KQKD Q4/2025 và cả năm 2025 của VND không đạt kỳ vọng. Chúng tôi sẽ đánh giá lại triển vọng lợi nhuận của VND do thu nhập đầu tư sụt giảm (không bao gồm các khoản mục không thường xuyên) và chi phí tài chính tăng cao, trong khi các khoản đầu tư trái phiếu tồn đọng vẫn chưa cải thiện rõ rệt. Sau khi giá cổ phiếu giảm 4% trong 1 tháng qua, VND đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 16,6 lần (cao hơn khoảng 0,2 độ lệch chuẩn so với bình quân 5 năm), vẫn thấp hơn bình quân của các công ty cùng ngành ở mức 17,5 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu HĐ môi giới CK	867	720	1,046	1,352	1,878
Lãi cho vay ký quỹ	1,154	1,255	1,378	1,940	2,452
Doanh thu HĐ tự doanh	4,309	3,180	4,140	4,417	3,472
Phí bảo lãnh phát hành	-	-	-	-	-
Thu nhập dịch vụ tư vấn	118	65.0	105	115	127
Thu nhập HĐ khác	113	105	168	184	203
Doanh thu HĐ	6,561	5,325	6,837	8,008	8,132
Chi phí HĐ	(2,624)	(2,575)	(3,067)	(3,891)	(3,482)
Lợi nhuận HĐ	3,937	2,750	3,770	4,117	4,650
Lợi nhuận tài chính	(1,448)	(658)	(1,033)	(1,195)	(1,472)
Lợi nhuận khác	(7.00)	(3.00)	(7.00)	(14.0)	(28.0)
LNTT	2,482	2,089	2,730	2,908	3,150
Chi phí thuế TNDN	(464)	(370)	(491)	(524)	(567)
LNST	2,018	1,719	2,239	2,384	2,583
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1.00)	(1.00)	(1.00)	(1.00)	(1.00)
Lợi nhuận thuần	2,019	1,720	2,240	2,385	2,584

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	4,862	881	377	7,714	3,447
Phải thu	948	1,728	2,511	3,247	4,510
Phải thu dịch vụ & phải thu khác	375	195	370	536	819
Tài sản tài chính	34,320	40,302	46,311	42,960	51,599
FVTPL	16,730	24,519	22,067	17,654	21,185
HTM	7,432	5,561	10,010	6,006	7,207
Cho vay ký quỹ	10,277	10,344	14,481	19,549	23,459
AFS	0	0	(125)	(127)	(130)
Dự phòng	(119)	(122)	(122)	(122)	(122)
Đầu tư dài hạn	1,065	1,030	1,030	1,030	1,030
HTM	-	-	-	-	-
Đầu tư vào Cty LD, LK	863	996	996	996	996
Đầu tư dài hạn khác	202	34.2	34.2	34.2	34.2
Tài sản cố định	106	84.1	92.5	102	112
Tài sản khác	66.4	74.6	108	140	195
Tổng tài sản	41,742	44,295	50,801	55,729	61,712
Nợ phải trả và vốn CSH					
Vay ngắn hạn	20,468	22,436	24,682	24,682	28,534
Trái phiếu ngắn hạn	400	400	0	0	0
Phải trả hoạt động	-	-	-	-	-
Vay dài hạn	-	-	-	-	-
Nợ phải trả khác	4,370	1,743	3,533	4,275	5,550
Nợ phải trả	25,239	24,580	28,215	28,957	34,084
Vốn chủ sở hữu	16,503	19,715	22,588	26,775	27,633
Vốn điều lệ	12,178	15,223	16,536	19,793	19,793
Thặng dư vốn cổ phần	(0.04)	(0.17)	852	852	852
Lợi nhuận giữ lại	4,325	4,492	4,703	5,409	6,028
Quỹ & vốn khác của CSH	0	0	497	721	960
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	(2.54)	(3.38)	(4.23)
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	41,742	44,295	50,800	55,729	61,712

Chỉ số chính: Tăng trưởng và định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng (so với cùng kỳ)					
Tăng trưởng tổng TS (%)	7.39	6.12	14.7	9.70	10.7
Tăng trưởng cho vay (%)	13.4	0.65	40.0	35.0	20.0
Tăng trưởng TS tài chính khác (%)	(32.9)	12.4	45.3	29.3	38.9
Tăng/giảm nợ ngắn hạn (%)	5.99	9.61	10.0	0	15.6
Tăng trưởng VCSH (%)	13.7	19.5	14.6	18.5	3.20
Tăng trưởng doanh thu HĐ (%)	(3.91)	(18.8)	28.4	17.1	1.55
Tăng/giảm chi phí HĐ (%)	37.6	1.87	19.1	26.9	10.5
Tăng trưởng lợi nhuận HĐ (%)	50.1	(30.1)	37.1	9.20	12.9
Tăng trưởng LNTT (%)	61.8	(15.8)	30.7	6.52	8.32
Tăng trưởng LNST (%)	65.5	(14.8)	30.3	6.48	8.35
Tăng trưởng LN thuần (%)	65.5	(14.8)	30.2	6.47	8.34
Định giá					
P/E (lần)	11.5	16.5	13.5	15.8	14.6
P/B (lần)	1.40	1.49	1.39	1.40	1.36
Lợi suất cổ tức (%)	2.63	2.63	2.63	4.21	4.21
Chỉ số chính: Chỉ số CP và Chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số CP					
EPS (đồng)	1,658	1,150	1,410	1,205	1,306
DPS (đồng)	500	500	500	800	800
BVPS (đồng)	13,549	12,744	13,657	13,530	13,963
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,218	1,496	1,589	1,979	1,979
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,218	1,547	1,654	1,979	1,979
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,279	1,496	1,589	1,979	1,979
Chỉ số lợi nhuận					
ROAA (%)	5.01	4.00	4.71	4.48	4.40
ROAE (%)	13.0	9.50	10.6	9.66	9.50
Lãi suất cho vay ký quỹ BQ (%)	11.9	12.2	11.1	11.4	11.4
Chi phí vay nợ BQ (%)	6.80	3.00	4.20	4.20	4.50
Phí môi giới thuần (%)	0.02	0.02	0.02	0.02	0.02
Lợi suất TSTC HTM (%)	-	-	-	-	-
Lợi suất HĐ tự doanh (%)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ CIR (%)	40.0	48.4	44.9	48.6	42.8
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	30.2	43.5	35.5	66.4	61.3
Thị phần					
Thị phần môi giới cổ phiếu (%)	7.00	6.10	5.80	6.50	7.00
Thị phần môi giới KH nước ngoài (%)	-	-	-	-	-
Thị phần môi giới KH cá nhân (%)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ đòn bẩy					
Tổng nợ/vốn CSH (%)	83.0	93.0	87.0	85.0	84.0
Cho vay ký quỹ/vốn CSH (%)	41.0	42.0	51.0	68.0	69.0
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	-	-	-	-	-
Số lượng nhân viên	1,174	1,077	1,020	1,120	1,200

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn